

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/2005/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2005***THÔNG TƯ****Hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 72/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi áp dụng:**

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này được áp dụng trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất (sau đây viết tắt là KKT Dung Quất), bao gồm các xã: Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải và một phần diện tích đất của các xã Bình Phước, Bình Hòa và Bình Phú của huyện Bình Sơn, theo chỉ giới quy hoạch KKT Dung Quất.

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành trên địa bàn KKT Dung Quất. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh cả trên địa bàn KKT Dung Quất và trong nội địa Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn KKT Dung Quất làm căn cứ xác định chế độ tài chính được áp dụng.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cấp giấy phép đầu tư; các cơ sở kinh doanh trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư tại KKT Dung Quất trước ngày Quyết định 50/2005/QĐ-TTg có hiệu lực mà chưa hưởng đủ ưu đãi thì được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Thông tư này cho thời gian ưu đãi còn lại.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng Thông tư này là:

a) Các nhà đầu tư trong nước thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể và các cá nhân hành nghề độc lập.

b) Các tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Nguyên tắc ưu đãi đầu tư:

Dự án đầu tư vào KKT Dung Quất được hưởng ưu đãi tối đa dành cho dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khu kinh tế theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan khác.

4. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Khu bảo thuế* là khu vực địa lý được ngăn cách bằng hàng rào cứng với các khu chức năng khác của KKT Dung Quất theo quy định tại các Điều 8, 9, 10 của Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg.

- *Các khu chức năng*: bao gồm khu công nghiệp, khu cảng và dịch vụ hậu cần cảng, khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch - dịch vụ và khu hành chính trong KKT Dung Quất.

- *Nội địa Việt Nam*: bao gồm các khu chức năng trong KKT Dung Quất và phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam (trừ các khu chế xuất).

- *Cổng kiểm soát hải quan*: KKT Dung Quất có các cổng kiểm soát hải quan tại các khu bảo thuế:

+ Tại khu bảo thuế gắn với sân bay Chu Lai: Cổng kiểm soát hải quan tiếp giáp với sân bay (gọi tắt là cổng A); cổng kiểm soát hải quan của khu bảo thuế tiếp giáp với nội địa (gọi tắt là cổng B).

+ Tại khu bảo thuế gắn với Cảng Dung Quất: Cổng kiểm soát hải quan tại cảng Dung Quất (gọi tắt là cổng A); cổng kiểm soát hải quan của khu bảo thuế tiếp giáp với nội địa (gọi tắt là cổng B).

- *Danh mục hàng hóa có xuất xứ khu bảo thuế* là danh mục hàng hóa do Ban quản lý KKT Dung Quất ban hành theo từng thời kỳ (gọi tắt là Danh mục hàng hóa xuất xứ khu bảo thuế) gồm những hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu bảo thuế không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài.

5. Điều kiện áp dụng chế độ tài chính đối với khu bảo thuế

Cơ chế tài chính quy định đối với Khu bảo thuế trong KKT Dung Quất chỉ được áp dụng khi Khu bảo thuế được bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong Khu bảo thuế với các khu chức năng khác trong KKT Dung Quất;

- Trong Khu bảo thuế không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài);

- Có cơ quan hải quan giám sát, kiểm tra người, hàng hóa và các phương tiện vào và ra Khu bảo thuế.

6. Một số quy định chung về thủ tục hải quan khu bảo thuế:

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu bảo thuế được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả các hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm. Chính sách mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo từng thời kỳ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành có liên quan. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, hàng hóa hạn chế kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thương mại. Các tổ chức cá nhân hoạt động trong khu bảo thuế phải thực hiện đúng Quy chế khu bảo thuế tại Khu kinh tế cửa khẩu ban hành theo Quyết định số 0446/2003/QĐ-BTM ngày 17/4/2003 của Bộ Thương mại.

b) Định kỳ 6 tháng, doanh nghiệp hoạt động trong khu bảo thuế có trách nhiệm gửi cơ quan hải quan Báo cáo quyết toán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu trong kỳ và Báo cáo xuất - nhập - tồn kho sản phẩm. Cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu và gửi cơ quan thuế để kiểm tra xác định các khoản thuế phải nộp.

c) Hàng hóa, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại khu bảo thuế thuộc loại hình nào thì áp dụng quy trình thủ tục hải quan quy định cho loại hình đó.

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua khu bảo thuế chỉ được đi qua cổng A và cổng B.

đ) Hàng hóa từ nội địa xuất khẩu vào khu bảo thuế và ngược lại: Hàng hóa từ nước ngoài đi qua cổng B vào khu bảo thuế làm thủ tục hải quan tại cổng B; Hàng hóa từ nước ngoài vào khu bảo thuế và hàng hóa từ khu bảo thuế ra nước ngoài qua cổng A làm thủ tục hải quan tại cổng A.

e) Hàng hóa từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cổng A hoặc hàng hóa từ nước ngoài qua cổng A vào nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định hiện hành tại cổng A hoặc tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu. Nếu làm thủ tục tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định về hàng hóa chuyển cửa khẩu.

f) Ngoài các quy định về thủ tục hải quan nêu trên, các bên liên quan phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chính sách thuế đối với KKT Dung Quất

1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Dự án đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để hình thành cơ sở sản xuất kinh doanh mới trong KKT Dung Quất được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm kế tiếp.

b) Dự án đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT Dung Quất thuộc các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc

ban hành Quy chế khu công nghệ cao được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

c) Dự án đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT Dung Quất có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của vùng được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

d) Đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Thu nhập chịu thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất phải nộp thuế thu nhập theo hướng dẫn tại phần C Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

e) Để thực hiện các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư tại KKT Dung Quất phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp trong nước), Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế. Việc ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ đã đăng ký và nộp thuế theo kê khai.

f) Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế về thời gian thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nêu tại mục này.

1.2. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao

1.2.1. Người lao động (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) làm việc tại KKT Dung Quất được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp đối với người có thu nhập cao (sau đây gọi tắt là thuế thu nhập cá nhân).

1.2.2. Việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân. Khi kê khai, tạm nộp thuế thu nhập cá nhân, cơ quan chi trả thu nhập khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong tháng của người lao động làm việc tại KKT Dung Quất.

1.2.3. Riêng trường hợp người lao động Việt Nam, người nước ngoài làm việc tại KKT Dung Quất dưới 1 năm (12 tháng) thì số thuế thu nhập cá nhân được giảm cho thời gian làm việc tại KKT Dung Quất xác định như sau:

a) Đối với người Việt Nam:

Hàng tháng, cơ quan chi trả thu nhập tạm khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp, cuối năm quyết toán thuế, tính số thuế phải nộp của cả năm và số thuế được giảm của năm theo công thức sau:

$$\text{Số thuế thu nhập cá nhân được giảm trong năm} = \text{Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm} \times \frac{\text{Thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc tại KKT Dung Quất}}{\text{Tổng thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế}} \times 50\%$$

Trong đó, số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc tại KKT Dung Quất và thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc ở nơi khác ngoài KKT Dung Quất.

b) Đối với người nước ngoài:

- Nếu là đối tượng không cư trú thì số thuế phải nộp được xác định như sau:

Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Tổng thu nhập chịu thuế nhân với (x) 25% nhân với (x) 50%.

- Nếu là đối tượng cư trú thì hàng tháng cơ quan chi trả thu nhập tạm khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp, cuối năm quyết toán thuế, tính ra số thuế phải nộp của cả năm và số thuế được giảm. Số thuế thu nhập cá nhân được giảm trong năm được tính theo công thức nêu tại điểm b.1 mục 1.2 của Thông tư này.

c) Việc giảm thuế thu nhập cá nhân nêu tại Thông tư này không áp dụng đối với thu nhập không thường xuyên.

1.3. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu bảo thuế; hàng hóa từ khu bảo thuế xuất khẩu ra nước ngoài.

Hàng hóa từ khu bảo thuế chuyên sang hoặc bán cho các khu phi thuế quan (là khu phi thuế quan quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi) năm 2005), doanh nghiệp chế xuất, kho ngoại quan và ngược lại.

b) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu bảo thuế phải nộp thuế xuất khẩu và làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành.

c) Hàng hóa từ khu bảo thuế nhập vào nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định sau:

Hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

Hàng hóa được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu bảo thuế nếu phần giá trị hàng hóa xuất xứ ASEAN chiếm từ 40% trở lên và được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D, thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãiCEPT.

Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất xứ khu bảo thuế đưa vào nội địa không phải nộp thuế nhập khẩu.

Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KKT Dung Quất có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài (không bao gồm hàng hóa nhập từ nội địa Việt Nam có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài), khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa đó. Căn cứ để xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập vào nội địa Việt Nam là: Giá tính thuế; số lượng hàng hóa nhập khẩu vào nội địa Việt Nam; thuế suất thuế nhập khẩu đối với từng loại nguyên liệu, linh kiện; trong đó, giá tính thuế và thuế suất áp dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm mở tờ khai nhập khẩu vào nội địa. Doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hóa nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa và định mức nguyên liệu, linh kiện dùng để sản xuất hàng nhập khẩu trước khi nhập vào nội địa.

Giá trị nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong mỗi đơn vị hàng hóa nhập khẩu vào nội địa được tính theo quy định về giá tính thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu tại thời điểm nhập khẩu vào nội địa.

d) Dự án đầu tư sản xuất trong KKT Dung Quất của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Thủ tục, hồ sơ miễn thuế, kê khai và quyết toán thuế nhập khẩu đối với trường hợp này được thực hiện theo Thông tư số 40/2000/TT-BTC ngày 15/5/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 176/1999/QĐ-BTC ngày 26/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu. Riêng bản kế hoạch nhập khẩu và định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm để sản xuất sản phẩm phục vụ trực tiếp trong năm do doanh nghiệp xây dựng kèm theo ý kiến xác nhận của Ban Quản lý KKT Dung Quất.

e) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu bảo thuế nhập nguyên liệu sản xuất, vật tư, hàng hóa từ nước ngoài nhưng không sử dụng hết và các thứ phẩm còn có giá trị thương mại được phép bán vào nội địa Việt Nam sau khi hoàn tất thủ tục hải quan phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

1.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu bảo thuế hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài vào khu bảo thuế và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (*riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi đưa vào khu bảo thuế thực hiện nộp thuế theo quy định chung hiện hành*).

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào khu bảo thuế không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (*riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi đưa vào khu bảo thuế thực hiện nộp thuế theo quy định chung hiện hành*).

c) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu bảo thuế chuyển sang hoặc bán cho các khu chế xuất và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu bảo thuế nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

1.5. Thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp KKT Dung Quất được sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành, thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này. Đối với những trường hợp hàng hóa không phải nộp thuế giá trị gia tăng, trong hóa đơn thuế giá trị gia tăng, dòng thuế giá trị gia tăng được gạch chéo (x). Cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và tiêu thụ trong khu bảo thuế và từ nước ngoài nhập khẩu vào khu bảo thuế và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

b) Hàng hóa, dịch vụ từ khu bảo thuế chuyển sang hoặc bán cho các khu chế xuất và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

c) Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất vào khu bảo thuế được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%.

d) Hàng hóa, dịch vụ từ khu bảo thuế nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu với thuế suất theo quy định hiện hành.

1.6. Giá, phí, lệ phí và các loại thuế khác

a) Giá thuê đất, giá cho thuê đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKT Dung Quất do các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng xác định sau khi đã thỏa thuận với Ban Quản lý KKT Dung Quất.

b) Phí, lệ phí và các loại thuế khác thực hiện theo quy định hiện hành tại các Luật thuế, Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Pháp lệnh phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa ra vào khu bảo thuế

2.1. Đối với hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu bảo thuế:

a) Nhập khẩu vào khu bảo thuế qua cổng A:

- Doanh nghiệp khu bảo thuế có trách nhiệm khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định hiện hành đối với từng loại hình nhập khẩu hàng hóa trên cơ sở quy định tại điểm 5, Mục I của Thông tư này.

- Cơ quan hải quan cổng A thực hiện giải quyết các thủ tục cần thiết theo quy định hiện hành đối với từng loại hàng hóa.

b) *Nhập khẩu vào khu bảo thuế qua cổng B:* Thực hiện theo quy định hiện hành về hàng nhập khẩu chuyển khẩu.

2.2. Đối với hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào nội địa Việt Nam qua cổng A và hàng hóa từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cổng A: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.3. Đối với hàng hóa từ nội địa xuất vào khu bảo thuế: Cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục khi doanh nghiệp có yêu cầu. Thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) *Trường hợp doanh nghiệp nội địa đăng ký làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan Cổng B:* Doanh nghiệp nội địa có trách nhiệm khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất khẩu. Trường hợp vận chuyển hàng hóa nội bộ giữa doanh nghiệp với chi nhánh trong và ngoài khu bảo thuế thì được thay thế hợp đồng mua bán bằng chứng từ xuất kho. Cơ quan hải quan cổng B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục xuất khẩu cho doanh nghiệp nội địa theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất khẩu.

b) *Trường hợp doanh nghiệp nội địa đăng ký tờ khai xuất khẩu tại cửa khẩu Chi cục Hải quan nội địa:* Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu. Cơ quan hải quan Cổng B thực hiện nhiệm vụ của hải quan cửa khẩu xuất đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu (trừ việc xác nhận thực xuất).

2.4. Đối với hàng hóa từ khu bảo thuế xuất khẩu ra nước ngoài:

a) *Qua cổng B:* Thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu.

b) *Qua cổng A:* Doanh nghiệp đăng ký làm thủ tục tại cơ quan hải quan cổng A. Cơ quan hải quan cổng A thực hiện thủ tục hải quan theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu.

2.5. Từ khu bảo thuế đưa vào nội địa:

a) Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất xứ khu bảo thuế được miễn làm thủ tục hải quan nhưng phải kê khai về số lượng hàng hóa với cơ quan hải quan và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

b) Đối với các hàng hóa khác phải thực hiện thủ tục hải quan đầy đủ, cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp khu bảo thuế (bên bán) có trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp nội địa (bên mua) đầy đủ chứng từ, hóa đơn và các giấy tờ theo quy định của cơ quan hải quan để doanh nghiệp nội địa khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình nhập khẩu tại cơ quan hải quan cổng B.

- Hải quan cổng B có trách nhiệm làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp nội địa theo đúng quy định. Trường hợp phát hiện có hàng nước ngoài được đưa vào khu bảo thuế để tiếp tục nhập khẩu vào nội địa có cùng chủng loại với hàng hóa nằm trong Danh mục hàng hóa xuất xứ khu bảo thuế được miễn thủ tục hải quan do Ban quản lý KKT Dung Quất thông báo, nhưng doanh nghiệp không khai báo hải quan, thì cơ quan hải quan cổng B yêu cầu doanh nghiệp xuất trình chứng từ chứng minh về nguồn gốc xuất xứ của lô hàng; tiến hành xử lý vi phạm và làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Ban quản lý KKT Dung Quất biết để có biện pháp quản lý hoặc loại trừ khỏi Danh mục hàng hóa xuất xứ khu bảo thuế.

2.6. Đối với hàng hóa gia công:

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa mà doanh nghiệp khu bảo thuế gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp khu bảo thuế thuê doanh nghiệp nội địa gia công và ngược lại được thực hiện theo quy định hiện hành.

2.7. Hàng hóa tạm xuất - tái nhập; tạm nhập - tái xuất; chuyển khẩu; quá cảnh và vận chuyển:

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua khu bảo thuế chỉ được đi qua các cổng có trạm kiểm soát hải quan. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập; tạm nhập - tái xuất; chuyển khẩu; quá cảnh và vận chuyển tại khu bảo thuế thực hiện theo quy định hiện hành.

2.8. Ngoài các hướng dẫn tại Thông tư này, doanh nghiệp phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn khác về hải quan.

3. Chế độ thưởng cho người có công trong việc vận động vốn đầu tư trong và ngoài nước

3.1. Ban Quản lý KKT Dung Quất ban hành quy chế thưởng cho người có công trong việc vận động vốn đầu tư (vốn trong nước, vốn nước ngoài vào KKT sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính.

3.2. Kinh phí sử dụng để khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có công vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, các dự án đầu tư trong nước tại KKT Dung Quất được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Chế độ ưu đãi phát triển cơ sở hạ tầng

4.1. Đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng

a) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng phục vụ chung cho KKT Dung Quất theo các chương trình mục tiêu được bố trí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trong thời gian 15 năm đầu, kể từ ngày Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước hàng năm để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất không thấp hơn toàn bộ nguồn thu ngân sách trên địa bàn KKT Dung Quất được nộp vào Kho bạc Nhà nước; bao gồm số thu về thuế xuất, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, (trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu) và các khoản thu hợp pháp khác. Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu chỉ tính trên hàng hóa thực tế xuất, nhập khẩu được mở tờ khai kiểm hóa tại Khu kinh tế Dung Quất và đã nộp thuế tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Các khoản thu phát sinh trên địa bàn được nộp vào ngân sách nhà nước. Việc phân cấp nguồn thu giữa NSTW và NSDP theo quy định của pháp luật hiện hành. Ban quản lý KKT Dung Quất phối hợp với các cơ quan thuế, kho bạc nhà nước và hải quan trên địa bàn theo dõi số thực hiện thu trên địa bàn để có căn cứ xây dựng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm cho các dự án của KKT Dung Quất.

4.2. Quản lý, sử dụng vốn do ngân sách trung ương đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành: hàng năm vào thời điểm lập dự toán Ngân sách Nhà nước, Ban Quản lý KKT Dung Quất phối hợp

với các cơ quan liên quan xác định số thu về thuế xuất, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế giá trị gia tăng và các khoản thu hợp pháp khác trên địa bàn KKT Dung Quất để lập dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm phù hợp với danh mục các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

4.3. Chế độ dùng quỹ đất để tạo vốn phát triển hạ tầng

Vốn được huy động từ quỹ đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án trong đó có quyền sử dụng đất trong việc giao đất, cho thuê đất là nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất.

Việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án trong đó có quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất nhằm tạo vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất được thực hiện theo Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

4.4. Huy động vốn bằng phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình và vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất

Ban quản lý KKT Dung Quất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình để xây dựng các dự án có quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển của KKT Dung Quất.

Việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình của Ban quản lý KKT Dung Quất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ về Quy chế phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

Ưu tiên sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn tín dụng ưu đãi đầu tư đối với việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của KKT Dung Quất và các trợ giúp kỹ thuật khác. Hàng năm và 5 năm, Ban quản lý KKT Dung Quất lập kế hoạch vốn và danh mục dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính

thức, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

5. Chế độ tài chính áp dụng cho Ban quản lý KKT Dung Quất

Ban quản lý KKT Dung Quất là đơn vị dự toán Ngân sách Nhà nước cấp I, đầu mối giao dự toán của ngân sách trung ương. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản và chi hoạt động do ngân sách trung ương đảm bảo.

Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí xây dựng cơ bản và chi hoạt động được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Ban quản lý KKT Dung Quất phối hợp với cơ quan thuế, hải quan và KBNN nơi mở tài khoản thực hiện theo dõi riêng nguồn thu hướng dẫn tại tiết b, điểm 4 Mục II để đảm bảo yêu cầu quản lý và phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm;

- Tổ chức công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép hàng hóa từ khu bảo thuế vào nội địa và tại các khu vực khác trong địa bàn hoạt động của Hải quan.

- Phối hợp với Ban quản lý KKT và các cơ quan liên quan (Thuế, Công an, Biên phòng) thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn nhập khẩu trái phép hàng hóa từ Khu bảo thuế vào nội địa.

4. Cơ quan hải quan khu bảo thuế thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức các trạm hải quan theo quy định, phù hợp với đặc điểm địa lý khu bảo thuế để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

5. Tổng Cục Hải quan căn cứ vào các quy định về thủ tục hải quan tại Thông tư này để soạn thảo Quy định chi tiết về quy trình, thủ tục hải quan áp dụng tại khu bảo thuế báo cáo Bộ Tài chính trước khi ban hành.

6. Cơ quan Kho bạc Nhà nước trên địa bàn KKT Dung quát theo dõi riêng đối với các nguồn thu cần theo dõi chi tiết theo đề nghị của Ban quản lý KKT Dung Quất trên nguyên tắc phù hợp với nghiệp vụ quản lý Kho bạc nhà nước.

7. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá